

DANH SÁCH KHÁCH HÀNG NHẬN HOÀN TIỀN NGÀY 07/07/2026

| STT | HỌ TÊN KHÁCH HÀNG    | 4 SỐ CUỐI THẺ | SỐ TIỀN HOÀN (VND) |
|-----|----------------------|---------------|--------------------|
| 1   | TRINH NG NGOC TRAM   | 4016          | 300,000            |
| 2   | LE NGOC GIAO NIEN    | 1371          | 300,000            |
| 3   | NGUYEN MINH TUAN     | 5977          | 300,000            |
| 4   | PHUNG NGOC HUYEN     | 1711          | 300,000            |
| 5   | TRAN VAN TRIEU       | 6552          | 300,000            |
| 6   | PHAN THI THUY DUNG   | 2968          | 300,000            |
| 7   | NGUYEN THI TIN       | 2496          | 300,000            |
| 8   | VU THI THU HOAI      | 7282          | 300,000            |
| 9   | LE QUOC TRUONG       | 0006          | 300,000            |
| 10  | HUYNH CONG TAM       | 9505          | 300,000            |
| 11  | DANG HOANG LINH      | 0403          | 300,000            |
| 12  | VI DUC QUANG         | 8559          | 300,000            |
| 13  | NGUYEN DUY ANH       | 8659          | 300,000            |
| 14  | NGUYEN THI THANH NGA | 0726          | 300,000            |
| 15  | LE KIM THANH         | 1404          | 300,000            |
| 16  | NGUYEN NGOC MY DUYEN | 1835          | 300,000            |
| 17  | KHOA NGOC TIEN       | 8017          | 300,000            |
| 18  | DO THI THUY DUONG    | 7879          | 300,000            |
| 19  | NGUYEN TRUNG HIEU    | 5524          | 300,000            |
| 20  | DAM NGUYEN BAO TRAN  | 8450          | 300,000            |
| 21  | VO XUAN BAO          | 9746          | 300,000            |
| 22  | TRAN THI SON HA      | 1055          | 300,000            |
| 23  | TRUONG THI HAI THU   | 2561          | 300,000            |
| 24  | LE TRUNG THIEN       | 3347          | 300,000            |
| 25  | DANG THI ANH THU     | 7440          | 300,000            |
| 26  | VO THANH LUON        | 7545          | 300,000            |

| STT | HỌ TÊN KHÁCH HÀNG       | 4 SỐ CUỐI THẺ | SỐ TIỀN HOÀN (VND) |
|-----|-------------------------|---------------|--------------------|
| 27  | TRAN NGUYEN LE VY       | 3379          | 300,000            |
| 28  | DO THI SAO MAI          | 7850          | 300,000            |
| 29  | VO NGUYEN HOAI THU      | 0265          | 300,000            |
| 30  | LAM DINH DAT            | 3357          | 300,000            |
| 31  | PHAM THI HUYNH MAI      | 0557          | 300,000            |
| 32  | LE THI BINH             | 8319          | 300,000            |
| 33  | TRAN THI MY NHAN        | 7575          | 300,000            |
| 34  | VU THI HONG NHUNG       | 7002          | 300,000            |
| 35  | NGUYEN NGOC SON         | 2770          | 300,000            |
| 36  | HOANG THU HANG          | 5055          | 300,000            |
| 37  | NGUYEN THI HIEN         | 7294          | 300,000            |
| 38  | TRAN THI KIM DUNG       | 6740          | 300,000            |
| 39  | VO THANH KIEM AI        | 5554          | 300,000            |
| 40  | NGO PHAM QUYNH NHU      | 1813          | 300,000            |
| 41  | NGUYEN HONG DUONG       | 8017          | 300,000            |
| 42  | NGUYEN HOANG THIEN TRUC | 1961          | 300,000            |
| 43  | HOANG THI THOM          | 9514          | 300,000            |
| 44  | TRAN VU BAO MY          | 7962          | 300,000            |
| 45  | PHAM TUYET KIEU TRINH   | 1274          | 300,000            |
| 46  | DINH THI THUY           | 2640          | 300,000            |
| 47  | PHAM MINH THU           | 6003          | 300,000            |
| 48  | NGUYEN NGOC THAO NGUYEN | 9972          | 300,000            |
| 49  | HO THI QUE NAM          | 5552          | 300,000            |
| 50  | DANG THI TUYET NHI      | 6010          | 300,000            |
| 51  | PHAM YEN NHI            | 6065          | 300,000            |
| 52  | NGUYEN AI DUY           | 4135          | 300,000            |
| 53  | TIEN NGOC YEN           | 5588          | 300,000            |

| STT | HỌ TÊN KHÁCH HÀNG         | 4 SỐ CUỐI THẺ | SỐ TIỀN HOÀN (VND) |
|-----|---------------------------|---------------|--------------------|
| 54  | TRAN TRUNG TAN            | 2414          | 300,000            |
| 55  | TRAN THANH DANH           | 8970          | 300,000            |
| 56  | NGUYEN DUC THAI           | 2434          | 300,000            |
| 57  | TRAN NGOC HUNG            | 7125          | 300,000            |
| 58  | NGUYEN TRAN KHA TU        | 6683          | 300,000            |
| 59  | LUU PHAN HOANG QUYNH LINH | 2051          | 300,000            |
| 60  | NGUYEN THI TRANG          | 6093          | 300,000            |
| 61  | NGUYEN THI HAI YEN        | 7307          | 300,000            |
| 62  | LE THI MAI                | 0326          | 300,000            |
| 63  | NGUYEN THI NHUNG          | 2267          | 300,000            |
| 64  | PHAM THI THUAN            | 9004          | 300,000            |
| 65  | LE THI HONG NHUNG         | 3402          | 300,000            |
| 66  | PHAM VAN THANG            | 3519          | 300,000            |
| 67  | BUI THI TU                | 3803          | 300,000            |
| 68  | NGUYEN NOEN               | 8628          | 300,000            |
| 69  | LE NGOC ANH               | 4575          | 300,000            |
| 70  | BUI VIET ANH              | 7811          | 300,000            |
| 71  | NGO PHAM NHAT MINH        | 0569          | 300,000            |
| 72  | NGUYEN PHUONG LAM         | 0739          | 300,000            |
| 73  | BUI THI NU                | 8802          | 300,000            |
| 74  | HOANG VAN TIEN            | 2749          | 300,000            |
| 75  | NGUYEN THI KIM HUE        | 0453          | 300,000            |
| 76  | DU HONG VAN               | 8665          | 300,000            |
| 77  | NGUYEN D KHANH DANG       | 1820          | 300,000            |
| 78  | HOANG TAN PHAT            | 9978          | 300,000            |
| 79  | HAN DUC MANH              | 6963          | 300,000            |
| 80  | HOANG NGOC HUNG           | 0510          | 300,000            |

| STT | HỌ TÊN KHÁCH HÀNG | 4 SỐ CUỐI THẺ | SỐ TIỀN HOÀN (VND) |
|-----|-------------------|---------------|--------------------|
| 81  | DONG THE HIEU     | 4491          | 300,000            |
| 82  | HOANG CONG PHU    | 2582          | 300,000            |
| 83  | CHU NGOC TUAN     | 1496          | 300,000            |
| 84  | TRAN THI HUE      | 2275          | 300,000            |
| 85  | NGUYEN DINH GIANG | 3159          | 300,000            |
| 86  | NGUYEN THI THUY   | 3765          | 300,000            |
| 87  | BUI THE HAI       | 0939          | 300,000            |
| 88  | TRAN HOANG HIEP   | 9115          | 300,000            |
| 89  | NGUYEN DINH HOANG | 7959          | 300,000            |
| 90  | HUYNH QUANG SON   | 8968          | 300,000            |